

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 5 - 2021

V/v tranh chấp “*Xin ly hôn,
Nuôi con chung*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Ứng

2. Ông Võ Hồng Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp “*Xin ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 04 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Phạm Hồng Đ** - Sinh năm: 1991 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh G;

2. *Bị đơn:* **Dương Thành T** - Sinh năm: 1988 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh G;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Hồng Đ trình bày:*

Chị và anh T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới, đăng ký kết hôn ngày 10/02/2014 tại UBND xã T, huyện T. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác và thường xuyên cờ bạc. Mâu thuẫn kéo dài đến năm 2020 thì trầm trọng do chị khuyên anh nhiều lần nhưng anh T không thay đổi nên

đã sống ly thân từ cuối năm 2020 và không hàn gắn tình cảm được. Nay chị Đ cho rằng, tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Dương Khánh Đ, sinh ngày 17/8/2014. Hiện cháu Đ đang sống với chị, chị yêu cầu nuôi cháu Đ, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

* Quá trình tố tụng bị đơn anh Dương Thành T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng anh T không đến Tòa án để tham dự phiên hòa giải và tham dự phiên tòa, cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Đ.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

- *Về tố tụng:* Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

+ Về quan hệ hôn nhân: cho chị Đ được ly hôn với anh T.

+ Về con chung: Giao con chung Dương Khánh Đ, sinh ngày 17/8/2014 cho chị Đ nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị Đ không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, anh Dương Thành T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* đây là vụ án tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của chị Đ về việc xin ly hôn, nuôi con chung:* Hội đồng xét xử nhận thấy:

- *Về quan hệ hôn nhân:* chị Đ và anh T có quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/02/2014 nên quan hệ hôn nhân của chị Đ và anh T là hợp pháp kể từ ngày đăng ký kết hôn.

Chị Đ trình bày, sau khi cưới cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác và thường xuyên cờ bạc. Mâu thuẫn kéo dài đến năm 2020 thì trầm trọng nên chị và anh T sống ly thân đến nay. Xét thấy, thực tế cuộc sống vợ chồng giữa chị Đ và anh T đã có mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân và không hàn gắn tình cảm với nhau được. Anh T được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa trình bày ý kiến, chứng tỏ anh không quan tâm đến cuộc hôn nhân với chị Đ. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung*: chị Đ trình bày có 01 con chung tên Dương Khánh Đ, sinh ngày 17/8/2014. Hiện cháu Đ đang do chị trực tiếp nuôi. Ly hôn, chị Đ yêu cầu nuôi con. Xét thấy cháu Đ hiện do chị Đ nuôi dưỡng, cháu học tập và phát triển bình thường, ổn định. Anh T chưa có ý kiến về việc nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Đ cho chị Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Đ chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Mặc dù anh T không trực tiếp nuôi con, nhưng vẫn được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị Đ và các thành viên trong gia đình không được ngăn cản.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: chị Đ trình bày anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: chị Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh T không phải chịu án phí.

Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Hồng Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Phạm Hồng Đ được ly hôn với anh Dương Thành T.

2. Về nuôi con chung:

- Giao con chung Dương Khánh Đ, sinh ngày 17/8/2014 cho chị Phạm Hồng Đ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: chị Đ chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị Đ và các thành viên trong gia đình chị Đ không được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Đ phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 49661 ngày 25/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông. Chị Đ đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Phạm Hồng Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Dương Thành T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TPĐ;
- Chi cục THADS huyện TPĐ;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện T;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lắm

